

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 242/2019/HNGĐ-ST

Ngày 27-9-2019

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Tuyết Mai.

Ông Nguyễn Việt Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Văn Bổng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Ngày 27 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 483/2019/TLST - HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2019 về “tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 253/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Hoàng T, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp D, xã TL, huyện TB, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Chị Bùi Thị N, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp VT, xã KL, huyện TV, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 12/7/2019 và đơn xin vắng mặt không tham gia phiên tòa ngày 12/7/2019 nguyên đơn anh Lê Hoàng T trình bày: Năm 2010 anh và chị Bùi Thị N kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã TL, huyện TB. Trong thời gian chung sống do nhiều nguyên nhân mâu thuẫn nên vợ chồng không còn thương yêu nhau, cuộc sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên ly thân hơn 08 năm nay. Do đó, nay anh yêu cầu được ly hôn với chị N.

Quá trình chung sống anh và chị N có 01 con chung tên Bùi Hoàng H, sinh năm 2009 hiện do chị N nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh đồng ý giao con cho chị N nuôi dưỡng, cấp dưỡng không đặt ra.

Về tài sản chung tự thỏa thuận phân chia và nợ chung là không có.

- Bị đơn chị Bùi Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến, yêu cầu gì đối với nội dung anh T khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa; chị N đã được Tòa án triệu tập tham gia hòa giải và phiên tòa sơ thẩm hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 207 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án không tiến hành hòa giải được và Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị N tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã TL, huyện TB vào ngày 26/4/2010 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Trong thời gian chung sống, anh T cho rằng do nhiều nguyên nhân mâu thuẫn khác nhau nên vợ chồng không còn thương yêu nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên ly thân hơn 08 năm nay. Quá trình giải quyết vụ án, chị N đã được Tòa án tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản triệu tập tham gia tố tụng nhưng chị N vẫn cố tình vắng mặt và cũng không gửi văn bản gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Điều này chứng tỏ chị N không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng và chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của anh T đặt ra. Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân được xây dựng trên tình nghĩa vợ chồng, vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và chung sống với nhau. Anh T và chị N không chung sống với nhau, cả hai đều không thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng vì tình cảm của anh chị không còn. Từ các căn cứ trên, xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa anh chị là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T là đúng quy định pháp luật.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 01 con chung tên Bùi Hoàng H, sinh năm 2009. Xét thấy, mặc dù Tòa án không ghi được nguyện vọng của cháu H, nhưng cháu H hiện do chị N nuôi dưỡng từ khi anh chị ly thân cho đến nay vẫn đảm bảo cho cháu được phát triển bình thường. Hơn nữa, sau khi ly hôn anh T đồng ý tiếp tục giao con cho chị N nuôi dưỡng, chị N không có ý kiến nào khác được xem như chấp nhận theo yêu cầu của anh T. Do đó, cần giao con cho chị N tiếp tục được nuôi dưỡng là có cơ sở.

[4] Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chị N không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản tự thỏa thuận phân chia và nợ chung không có nên không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm anh T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 207; khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 56; Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh T. Cho anh Lê Hoàng T được ly hôn với chị Bùi Thị N.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Hoàng H, sinh năm 2009 cho chị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí hôn nhân gia đình anh T phải chịu 300.000 đồng, anh đã dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0003445 ngày 19/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời nay được chuyển thu, anh T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- CCTHADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND xã TL (nơi ĐKKH);
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**T/M: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒ**
(Đã ký)

Trần Quốc Kiên

